

Nguyễn Kim và công cuộc tái lập Vương triều Lê

Nguyễn Đức Nhuệ*

Nhận ngày 4 tháng 1 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 2 năm 2022.

Tóm tắt: Bài viết trình bày về công cuộc tái lập vương triều Lê ở thập niên thứ ba và thứ tư của thế kỷ XVI do Nguyễn Kim (cựu thần triều Lê) khởi xướng. Trong một số tài liệu thư tịch như: *Đại Việt sử ký toàn thư* (Sử thần triều Lê), *Đại Nam nhất thống chí* (Quốc sử quán triều Nguyễn), *Đại Việt thông sử* và *Phủ biên tạp lục* (Lê Quý Đôn) ghi chép chưa thống nhất, thậm chí sai lệch về gia thế của Nguyễn Kim. Điều đó cũng khiến cho các nhà sử học hiện đại khi biên soạn lịch sử giai đoạn thế kỷ XVI có liên quan đến nhân vật này cũng bị nhầm lẫn. Trên cơ sở nguồn tư liệu qua hệ thống Gia phả dòng họ Nguyễn - phát tích từ Gia Miêu ngoại trang¹ - kết hợp với chính sử, chúng tôi muốn minh định chính xác gia thế của Nguyễn Kim cũng như những đóng góp to lớn của ông trong công cuộc trung hưng nhà Lê.

Từ khóa: Nguyễn Kim, Vương triều Lê, trung hưng nhà Lê.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: The paper presents the work of re-establishing the Lê dynasty in the 1530s and 1540s, which was initiated by Nguyễn Kim, a former mandarin of the dynasty. In a number of books such as *The Complete Annals of Đại Việt* by historians of the dynasty, *The Comprehensive Encyclopaedia of Đại Nam* by the National Historiographical Office of the Nguyễn dynasty, *The General History of Đại Việt*, and *Miscellaneous Chronicles of the Pacified Frontier* by Lê Quý Đôn, records are not consistent, with some of them even misleading, about Nguyễn Kim's family background. That also caused incorrect writing by modern historians on the history of the 16th century related to him. Based

* Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: ducnhuevsh@gmail.com

¹ *Nguyễn Phúc tộc Thế phả* (Thủy tổ phả - Vương phả - Đế phả) do nhóm tác giả Vĩnh Cao, Vĩnh Dũng, Tôn Thất Hạnh... biên soạn, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1996; Nguyễn Thế Nguyên: *Nghiên cứu thượng phả dòng họ Nguyễn Bặc*, Nxb Thế giới; *Nguyễn Gia phả ký* (Liễu Ngạn - Bắc Ninh) do Trung tâm nghiên cứu Việt Nam và giao lưu văn hóa - Chương trình nghiên cứu Gia phả Việt Nam thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội - dịch và xuất bản; Gia phả họ Nguyễn ở Bút Sơn, Hoàng Hóa; ở Mậu Thịnh, Ba Đình, Nga Sơn; ở xã Hà Bắc, Hà Trung và bản Gia phả lưu tại từ đường Nguyễn Hữu, xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa) v.v..

on the material of the genealogy of the Nguyễn clan, which originated in the village of Gia Miêu ngoại trang in Thanh Hóa Province, combined with the research of official historic documents, we want to verify the exact background of Nguyễn Kim as well as his great contributions to the revival of the Lê dynasty.

Keywords: Nguyễn Kim, Lê dynasty, revival of the Lê dynasty.

Subject classification: History

1. Mở đầu

Từ sau khi Lê Hiến Tông qua đời (1504), vương triều Lê lâm vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc. Dưới thời vua Uy Mục (1505-1509) và vua Tương Dực (1509-1516), mâu thuẫn nội bộ triều chính diễn ra gay gắt. Các phe phái phong kiến thanh trừng lẫn nhau. Chiến tranh nông dân nổ ra liên miên. Năm 1527, với thế lực và uy quyền trong tay, Mạc Đăng Dung đã ép Lê Cung Hoàng nhường ngôi, thiết lập vương triều Mạc.

Đầu năm Kỷ Sửu (1529), nhân lúc loạn lạc, Hữu vệ Điện tiền tướng quân, An Thanh hầu Nguyễn Kim đã đem con em lánh sang đất Ai Lao, được Quốc vương Ai Lao là Sạ Đầu dâng cho đất Sầm Châu. Ông xây dựng căn cứ địa, tuyển dụng quân lính, thu dùng hào kiệt, ngầm tìm con cháu họ Lê để mưu tính công cuộc khôi phục nhà Lê.

2. Gia thế của Nguyễn Kim

Nguyễn Kim sinh năm Mậu Tý (1568), xuất thân từ một vọng tộc danh gia thế phiệt, quê gốc ở Gia Miêu ngoại trang, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung trấn Thanh Hóa (nay là xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa). Ông nội Nguyễn Kim là Công thần khai quốc triều Lê - Thái bảo Hoành Quốc công Nguyễn Công Duẩn.

Nguyễn Công Duẩn sinh vào khoảng đầu thập niên 80 thế kỷ XIV, thời cuối Trần. Ông tham gia khởi nghĩa Lam Sơn từ sớm và có công lao to lớn đối với thắng lợi của cuộc khởi nghĩa trên cương vị là người cung cấp quân lương cho nghĩa quân từ khi Lê Lợi hội quân ở Lam Sơn (1418), khi nghĩa quân tạm lánh ở núi Linh Sơn (Chí Linh), muôn vàn thiếu thốn (1419), đến khi Lê Lợi truy quân từ Nghệ An ra Bắc bao vây thành Đông Quan (1426) hay trong trận mai phục giết chết Liễu Thăng ở Chi Lăng, v.v.. Năm Mậu Thân (1428), Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế, thiết lập vương triều Lê, miếu hiệu về sau là Lê Thái Tổ. Năm Kỷ Dậu (1429), Lê Thái Tổ ban lệnh chỉ, cho phép Nguyễn Công Duẩn được sở hữu số ruộng của các thế gia triều trước mà nay không người nối dõi tại Đỗ trang của huyện nhà (tức huyện Tống Sơn) cùng với ruộng đất hoang phế, ban thưởng làm tài sản riêng tổng cộng gồm 477 mẫu 5 sào

(四百柒拾柒畝五高)²... Dưới triều Lê sơ, Nguyễn Công Duẩn trải nhiều chức quan, khi mất được phong tặng Thái bảo Hoành Quốc công.

Nguyễn Công Duẩn sinh được 10 người con (7 trai và 3 gái). Trưởng nam là Thái úy Trinh Quốc công Nguyễn Đức Trung, chức Trấn quốc Thượng tướng quân Tây quân Đô đốc dưới thời Lê Thánh Tông. Trường Lạc Hoàng Thái hậu (vợ vua Lê Thánh Tông, mẹ vua Lê Hiến Tông) là con gái thứ hai của Nguyễn Đức Trung.

Con trai thứ hai là Mục Quận công Nguyễn Nhân Chính, tên thụy là Thường Tâm. Con trai thứ ba là Châu Quận công Nguyễn Như Hiếu. Con trai thứ tư là Phó Giám hầu Nguyễn Như Trác, tên thụy là Đức Khánh, phụng sự triều vua Lê Thánh Tông. Con trai thứ năm là Thái úy Sảng Quốc công Nguyễn Văn Lỗ, tên thụy là Đạt Đạo. Con trai thứ sáu là Trấn Điện tư Hiệu úy Nguyễn Văn Lễ, tên thụy là Lương Tâm. Con trai thứ bảy là Nguyễn Bá Cao, tên thụy là Lượng Khanh, sinh Đoan Quận công.

Hầu hết các bản Gia phả các chi họ Nguyễn có gốc từ Gia Miêu đều chép khá rõ thế thứ các đời từ Nguyễn Công Duẩn (đời thứ 13 tính từ Thủy tổ Nguyễn Bặc) trở đi. Chúng tôi đặc biệt lưu ý đến các chi phái có liên quan đến thế thứ của Nguyễn Kim:

- Trưởng chi thứ nhất Thái úy Trinh Quốc công (Nguyễn Đức Trung) sinh 13 người con, phụng sự vua Cảnh Thống³. Trưởng nam Nguyễn Hữu Vĩnh, tên thụy là Huệ Dịch, sinh 8 người con. Người con trưởng của Nguyễn Hữu Vĩnh là Phò mã Đô úy.

- Chi thứ tư là Phó Giám hầu Nguyễn Như Trác sinh trưởng nam là Hữu tướng Thái tử Trưng Quốc công Nguyễn Văn Lưu, tên thụy là Chân Tâm. Chánh Phu nhân tên thụy là Từ, sinh hai con trai. Trưởng nam là Chiêu Huân công Nguyễn Kim, con trai thứ hai là Uy Thọ hầu Nguyễn Tông Thái (?).

- Chi thứ năm là Sảng Quốc công Nguyễn Văn Lỗ, sinh trưởng nam là Nghĩa Quốc công Nguyễn Văn Lang. Nguyễn Văn Lang sinh trưởng nam là An Hòa hầu Nguyễn Hoàng Dụ.

Thế thứ trong gia phả họ Nguyễn Hữu như sau:

(Lược qua các đời trên)

- *Đời thứ 13*: Hoàng Quốc công Nguyễn Công Duẩn.

- *Đời thứ 14*: (Lược qua các chi 2, chi 3, chi 6 và chi 7)

- + Chi 1: Trinh Quốc công Nguyễn Đức Trung

- + Chi 4: Phó Giám hầu Nguyễn Như Trác

- + Chi 5: Sảng Quốc công Nguyễn Văn Lỗ

- *Đời thứ 15*:

² Theo gia phả họ Nguyễn Hữu (bản chữ Hán) ở Gia Miêu do ông Nguyễn Hữu Thoại cung cấp. Trong Gia phả ghi rõ tên các vị đại thần phụng tuyên Chi là Lê Văn Linh, Lê Diệu, Lê Khả, Lê Ký, Lê Tử, Lê Bồn, Lê Hịch, Lê Đại, Lê Khôi, Lê Thụ, Lê Liệt. Người phụng bút là Hàn lâm viện Thừa chỉ Đại học sĩ Nguyễn Trãi (Bản dịch Nguyễn Hữu Tâm, Nguyễn Đức Nhuệ). Lê Quý Đôn trong *Kiến văn tiểu lục* ghi là 470 mẫu. Cũng trong sách này, Lê Quý Đôn cho biết đã được đọc gia phả do người chắt xa đời của Chiêu Huân công cho xem. Dịch giả chú thích Chiêu Huân công là Nguyễn Công Duẩn là chưa chính xác. Chiêu Huân công là tước phong của Nguyễn Kim. Nội dung các bản gia phả họ Nguyễn ở Bút Sơn, Hoàng Hóa (thuộc chi của Trinh Quốc công Nguyễn Đức Trung) và Gia phả họ Nguyễn ở Ba Đình, Nga Sơn (thuộc chi Nguyễn Trừ, em trai Nguyễn Công Duẩn) đều ghi số ruộng là 470 mẫu 5 sào. Hai bản Gia phả này đều biên soạn xong năm Tự Đức thứ nhất (1848) và nội dung giống nhau về cơ bản. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* cũng chép số ruộng 470 mẫu như Lê Quý Đôn.

³ Cảnh Thống là niên hiệu của vua Lê Hiến Tông (1498-1504).

+ Chi 1: Nguyễn Hữu Vĩnh (đích tôn của Nguyễn Công Duẩn)

+ Chi 4: Trừng Quốc công Nguyễn Văn Lư.

+ Chi 5: Nghĩa Quốc công Nguyễn Văn Lang

- *Đời thứ 16:*

+ Chi 1: tên thụy là Hòa Kính, chức Đặc tiến Kim tử Vinh lộc Đại phu, Phò mã Đô úy (chồng của Thọ Mai công chúa)⁴;

+ Chi 4: Chiêu Huân công Nguyễn Kim.

+ Chi 5: An Hòa hầu Nguyễn Hoàng Dụ.

Qua các bản Gia phả thế thứ họ Nguyễn từ Nguyễn Công Duẩn (đời 13) xuống đến Nguyễn Đức Trung, Nguyễn Như Trác, Nguyễn Văn Lỗ... (đời 14) và Nguyễn Hữu Vĩnh, Nguyễn Văn Lư, Nguyễn Văn Lang (đời 15) cũng như các thế hệ về sau khá rõ ràng. Tuy nhiên, trong một số thư tịch vẫn còn một số nhầm lẫn về mối quan hệ giữa Nguyễn Văn Lang, Nguyễn Hoàng Dụ và Nguyễn Kim.

Chí ít là từ thời các sử thần triều Lê biên soạn *Đại Việt sử ký toàn thư* (nhóm Phạm Công Trứ, sau đó là Lê Hy, Nguyễn Hoàn...) đến Lê Quý Đôn viết *Đại Việt thông sử, Phủ biên tạp lục* đều ghi chép không rõ ràng về thế thứ cũng như thân sinh, tổ phụ của Nguyễn Kim khiến cho việc xác định xuất thân của Nguyễn Kim thiếu nhất quán trong các nghiên cứu sau này.

Trong *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản kỷ, Q.XV, tờ 73b), các sử thần khi viết về sự kiện Nguyễn Kim khởi xướng công cuộc trung hưng nhà Lê ở Sầm Châu (Ai Lao) có cước chú một dòng: có thuyết nói [Nguyễn Kim] là con Nguyễn Hoàng Dụ (云弘裕之子).

Ước thuyết này của *Toàn thư* đã gần như là căn cứ để một số nhà nghiên cứu sau này mặc nhiên thừa nhận Nguyễn Kim là con Nguyễn Hoàng Dụ, là cháu nội Nghĩa Quốc công Nguyễn Văn Lang.

Lê Quý Đôn biên soạn *Phủ biên tạp lục* (1777), trong Quyển 1 viết về quá trình Nguyễn Hoàng vào trấn trị đất Thuận Hóa có đoạn như sau:

阮氏其祖阮公笋宋山縣嘉苗外庄從太祖定天下有功官歷俸宸衛將軍嘉亭侯贈太保宏國公子德忠仁宗時爲殿前指揮使...子文郎通韜畧...子弘裕官都督安和侯...安和侯子阮淦官右衛將軍安清侯....

Nguyễn Thị kỳ tổ Nguyễn Công Duẩn Tổng Sơn huyện Gia Miêu ngoại trang tòng Thái Tổ định thiên hạ hữu công quan lịch Phụng Thần tướng vệ quân Gia Đình hầu tứ Thái bảo Hoàn Quốc công tử Đức Trung Nhân Tông thời Điện tiền Chỉ huy sứ... tử Văn Lang thông thao lược... tử Hoàng Dụ quan Đô đốc An Hòa hầu... An Hòa hầu tử Nguyễn Cam (Kim) quan Hữu vệ tướng quân An Thanh hầu.

Dịch nghĩa: Họ Nguyễn ở trấn Thuận Hóa tiên tổ là Nguyễn Công Duẩn, người Gia Miêu ngoại trang huyện Tổng Sơn, theo Lê Thái Tổ định thiên hạ có công, làm quan đến Phụng Thần vệ tướng quân Gia Đình hầu, tằng Thái bảo Hoàn Quốc công. Con là Đức Trung, đời Nhân Tông làm Điện tiền Chỉ huy sứ... Con là Văn Lang thông thao lược⁵... Con là

⁴ Trong Gia phả chỉ ghi tên thụy, không ghi tên húy.

⁵ Đoạn ghi chép này của Lê Quý Đôn cho biết Nguyễn Văn Lang là con Nguyễn Đức Trung, đúng ra Nguyễn Văn Lang con Nguyễn Văn Lỗ, là cháu nội Nguyễn Công Duẩn. Nguyễn Văn Lang gọi Nguyễn Đức Trung là bác ruột.

Hoàng Dụ, làm quan đến Đô đốc An Hòa hầu... (Lê Quý Đôn, 2007), *Con An Hòa hầu là Nguyễn Kim làm Hữu vệ tướng quân An Thanh hầu...*⁶.

Tuy nhiên, trong *Đại Việt thông sử*, mục Nghịch thần truyện (Mạc Đăng Dung) khi chép sự kiện Nguyễn Kim xưng nghĩa ở Ai Lao, Lê Quý Đôn lại viết: 清华右衛殿前將軍安清候阮淦以阮弘裕之弟 (*Thanh Hoa Hữu vệ Điện tiền tướng quân An Thanh hầu Nguyễn Cam [Kim] dũ Nguyễn Hoàng Dụ chi đệ*). Thanh Hoa Hữu vệ Điện tiền tướng quân An Thanh hầu Nguyễn Cam [Kim] là em Nguyễn Hoàng Dụ.

Các bộ sử nhà Nguyễn sau này như: *Đại Nam thực lục*, *Đại Nam nhất thống chí* khi biên soạn về tiên tổ nhà Nguyễn thường tránh tên húy mà chỉ gọi theo tước phong.

Trong *Đại Nam thực lục tiền biên* 大南寔錄前編 (Q.1), sử thần triều Nguyễn chép về tổ tiên nhà Nguyễn như sau: 先世爲清華望族.祖澄國公諱....

Tiên thế vi Thanh Hoa vọng tộc. Tổ Trùng Quốc công húy (Tổ tiên là một vọng tộc ở Thanh Hoa. Ông nội là Trùng Quốc công, tên húy...).

Như vậy, tên húy ông nội Nguyễn Hoàng, thân phụ Nguyễn Kim, không chép trong nguyên thư. Xuất phát từ ức thuyết của *Toàn thư* về cha của Nguyễn Kim là Nguyễn Hoàng Dụ nên người dịch đã viết thêm chữ Dụ đặt trong ngoặc vuông [Dụ] và chân trang chú thích: Có thuyết cho rằng An Hòa bá Nguyễn Hoàng Dụ sinh ra Nguyễn Kim (*Đại Việt sử ký toàn thư*) (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002, tr.25).

Trong *Đại Nam nhất thống chí* (Q.17, tỉnh Thanh Hóa, mục Đền miếu) chép về 澄國公廟 (Trùng Quốc công miếu). Dịch giả sách này chú thích Trùng Quốc công tên là Nguyễn Hoàng Dụ, thân phụ Nguyễn Kim, mà không đưa ra cơ sở tư liệu để chứng thực. Cần lưu ý rằng, Nguyễn Hoàng Dụ là nhân vật có ảnh hưởng lớn trong những thập niên đầu thế kỷ XVI. Nguyễn Hoàng Dụ cùng cha là Nguyễn Văn Lang tôn lập Lê Oanh lên ngôi (Tương Dực đế), có công phò tá Lê Chiêu Tông... nhưng chưa tài liệu nào nhắc đến tước phong của ông là Trùng Quốc công.

Trong mục *Nhân vật* cũng chép sai thế thứ của Nguyễn Văn Lang.

Nguyên thư:

阮文郎: 宋山縣人黎聖尊長樂皇后之親 (Nguyễn Văn Lang: Tổng Sơn huyện nhân Lê Thánh Tôn Trường Lạc Hoàng hậu chi thân), nghĩa là: Nguyễn Văn Lang là cha của Trường Lạc Hoàng hậu, vợ vua Lê Thánh Tông.

Tài liệu chính sử khẳng định: Bà Trường Lạc Hoàng hậu tên là Nguyễn Thị Hằng (Huyền), là con gái thứ hai của Trình Quốc công Nguyễn Đức Trung, là chị em thúc bá với Nguyễn Văn Lang.

Như vậy, cho đến nay, danh tính thân phụ của Nguyễn Kim chưa nhất quán. Một số nhà nghiên cứu căn cứ sử liệu của *Toàn thư* và ghi chép của Lê Quý Đôn hay chú thích của dịch giả các bộ *Đại Nam thực lục* (Tiền biên) và *Đại Nam nhất thống chí* cho rằng thân phụ của Nguyễn Kim là An Hòa hầu Nguyễn Hoàng Dụ. Điều này hoàn toàn sai lầm. Theo thế thứ,

⁶ Tác giả Trần Đại Vinh trong bản dịch *Phủ biên tạp lục* (xuất bản năm 2021) trong nguyên thư chép: *An Hòa hầu tử Nguyễn Cam (Kim) quan Hữu vệ tướng quân An Thanh hầu* nhưng khi dịch lại chép “Con của Trùng Quốc công Nguyễn Văn Lưu là Nguyễn Cam (Kim) quan Hữu vệ tướng quân An Thanh hầu” mà không có ghi chú gì thêm.

Nguyễn Kim và Nguyễn Hoàng Dụ đều thuộc đời thứ 16 là tăng tôn của Hoàng Quốc công Nguyễn Công Duẩn. Nguyễn Kim thuộc chi thứ 4 (Nguyễn Như Trác), Nguyễn Hoàng Dụ thuộc chi thứ 5 (Nguyễn Văn Lỗ). Như vậy, Nguyễn Kim và Nguyễn Hoàng Dụ là anh em thúc bá xa và Nguyễn Kim là anh.

3. Nguyễn Kim khởi xướng công cuộc trung hưng nhà Lê

Nguyễn Kim bắt đầu xây dựng lực lượng ở Ai Lao từ đầu năm Kỷ Sửu (1529) khi được chúa Ai Lao là Sạ Đầu “dâng cho đất Sầm Châu”. Nguyễn Kim dựa vào thực lực tại chỗ, xây dựng căn cứ địa, nuôi dưỡng sĩ tốt, thu dùng hào kiệt, chuẩn bị cho công cuộc khôi phục. Cuối năm 1530, Nguyễn Kim đã gây dựng được lực lượng “gồm vài nghìn người, 30 con voi và 300 con ngựa”⁷. Từ Ai Lao, Nguyễn Kim đưa quân theo sông Chu về đánh chiếm huyện Lô Dương (nay là huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá), nhưng bị phục binh của quân Mạc đánh bại.

Trong lúc Nguyễn Kim đang mở rộng hoạt động ở Thanh Hoá thì tại Thái Nguyên, hai anh em Trịnh Ngung, Trịnh Ngang, những cựu thần nhà Lê nổi lên chiếm cứ địa bàn, rồi trốn sang Trung Quốc cầu cứu nhà Minh, xin ra quân diệt Mạc. Việc không thành, hai anh em họ Trịnh phải lưu lại Trung Quốc và chết già ở đó.

Với danh nghĩa phục quốc, Vũ Văn Uyên (người Hải Dương) cầm đầu dân chúng nổi dậy chiếm cứ xứ Tuyên Quang chống nhau với nhà Mạc. Lúc bấy giờ “suốt một dải ven núi xứ Thanh, Nghệ, Tuyên, Hưng đều không theo họ Mạc” (Lê Quý Đôn, 2013, tr.269).

Mạc Đăng Dung lật đổ triều Lê, thiết lập triều Mạc vào giữa năm Đinh Hợi (1527) đã lập tức gặp phải một làn sóng chống đối mạnh mẽ do các cựu thần nhà Lê khởi xướng. Một bộ phận lớn trong tầng lớp quan lại, quý tộc cũ triều Lê tỏ thái độ bất hợp tác với vương triều mới dưới nhiều hình thức khác nhau. Hình thức phản kháng quyết liệt nhất là nổi dậy chống lại nhà Mạc. Tuy nhiên, các cuộc nổi dậy của Bích Khê hầu Lê Công Uyên (1528)⁸, Lê Ý (1530)⁹ nhanh chóng bị nhà Mạc dẹp tan.

Trong mấy năm đầu, triều Mạc khá vất vả vì phải đối phó với lực lượng căn vương ở xứ Thanh. Cuộc nổi dậy của Lê Công Uyên, Lê Ý vừa bị dẹp tan thì một thế lực khác lại nổi lên, đáng kể nhất là lực lượng do Nguyễn Kim khởi xướng.

Đầu năm 1531, Mạc Đăng Doanh hai lần sai Nguyễn Kính đem quân vào Thanh Hoa, bị Nguyễn Kim đón đánh phá tan “vừa chém giết, vừa bắt sống được mấy trăm quân” (Lê Quý Đôn, 2013, tr.269) Nguyễn Kim chia binh tướng đi chiếm đóng các huyện, đồng thời thừa thắng tiến công ra tận Gia Viễn, Diêm Độ chiêu dụ dân và chiếm đất.

⁷ Trong Gia phả họ Nguyễn (Mậu Thịnh, Ba Đình) ghi là hơn 5.000 tráng sĩ, 30 thớt voi...

⁸ Lê Công Uyên, tức phong Bích Khê hầu, là cháu Khai quốc công thần Lê Văn Linh, khởi binh chống nhà Mạc vào tháng 3 năm 1528.

⁹ Lê Ý là con trai Công chúa An Thái, khởi binh ở châu Gia năm 1530 (tức địa bàn Mường Lát, Quan Hóa, Quan Sơn ngày nay).

Tháng 10 năm 1531, trời mưa nhiều, nước sông dâng cao, lương thực thiếu thốn, lại bị quân Mạc thường dùng chiến thuyền tiến đánh, Nguyễn Kim đành phải đưa quân trở về Ai Lao. Nhà Mạc lấy lại được xứ Thanh Hoa, cử hoạn quan là Trung Hậu hầu Dương Chấp Nhất làm Đại tướng quân quản lãnh việc binh dân. Sau đó không lâu, nhà Mạc cho chia miền đất Thanh Hoa “nơi núi sông hiểm trở, ruộng đất phì nhiêu, binh lương đầy đủ” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1998, tr.107; Lê Quý Đôn, 2007, tr.270) làm hai phần; giao 7 huyện miền trung du và đồng bằng phía tây là các huyện Thụy Nguyên, An Định, Vĩnh Phúc, Đông Sơn, Thạch Thành, Cẩm Thủy và Quảng Bình cho Lê Phi Thừa quản giữ, cùng với Dương Chấp Nhất giám sát, không chế lẫn nhau.

Tuy nhiên, lúc bấy giờ sự quản lý của nhà Mạc đối với miền đất từ Thanh Hoa trở vào là rất yếu ớt. Năm 1533, khi nhà Lê bắt đầu khởi nghiệp trung hưng ở xứ Thanh thì tại miền Thuận Hoá, Hiệu úy Nguyễn Nhân Liễn cũng nổi dậy chiếm cứ địa bàn. Mạc Đăng Dung nhiều lần điều quân đánh dẹp nhưng không thu hồi được.

Đưa quân trở lại Ai Lao, Nguyễn Kim tích cực chiêu mộ hào kiệt khắp nơi, luyện binh, trữ lương để chờ thời cơ thuận lợi tiến về chiếm lại vùng đất căn bản (xứ Thanh - Nghệ). Nhằm đề cao tính chính nghĩa của công cuộc “phù Lê, diệt Mạc”, Nguyễn Kim đã tôn lập hậu duệ của nhà Lê lên làm minh chủ, dựng cờ nghĩa chiêu tập hiền sĩ bốn phương.

Tháng Chạp năm Nhâm Thìn (đầu năm 1533), trên đất Sầm Nưa thuộc Ai Lao, An Thanh hầu Nguyễn Kim cùng với bề tôi cự triều là Trịnh Duy Thuần, Trịnh Duy Duyệt, Trịnh Duy Liêu, Ngô Khắc Kính, Ngô Bang...¹⁰ tôn phò Lê Duy Ninh, là con của vua Lê Chiêu Tông lên làm vua - tức Lê Trang Tông.

Mùa xuân năm Quý Tỵ (1533), Lê Duy Ninh lên ngôi Hoàng đế (tức Lê Trang Tông) ở sách Thuý Thuần, đặt niên hiệu là Nguyên Hoà năm thứ nhất, tôn Nguyễn Kim làm Thượng phụ Thái sư Hưng quốc công Chương nội ngoại sự; lấy hoạn quan là Đinh Công làm Thiếu úy Hùng quốc công; đồng thời, ban chức tước cho các tướng sĩ theo thứ bậc khác nhau, trữ lương, luyện binh để mưu đồ khôi phục. Ngay sau đó, vua Lê cử đoàn sứ bộ gồm hơn 10 người do Trịnh Duy Liêu dẫn đầu vượt biển từ Chiêm Thành qua Quảng Đông đến Yên Kinh “xin nhà Minh dấy quân hồi tội họ Mạc” (Lê Quý Đôn, 2007, tr.271).

Sự nghiệp trung hưng của nhà Lê bắt đầu từ đây, và miền đất Thanh - Nghệ trở thành địa bàn căn bản của công cuộc khôi phục. Trong việc dựng lại quốc thống nhà Lê, Nguyễn Kim là người có công lao hàng đầu. Sử gia Lê Quý Đôn đánh giá vai trò của Nguyễn Kim trong công cuộc trung hưng nhà Lê như sau: Ông “lấy thân phận là tướng già của nhà thế thần giữ vững tiết tháo, lật đặt nơi hang núi, cố chí toan lo việc khôi phục, rước lập thiên tử, nối lại tông thống đánh kẻ loạn tặc, phá đám chông gai, mở mang cảnh thổ Thanh, Nghệ, Quảng, Thuận hàng hơn nghìn dặm, cơ nghiệp vạn năm của nước nhà thực bắt đầu từ đây” (Lê Quý Đôn, 2007, tr.269).

¹⁰ Ngô Kính, Ngô Bang là dòng dõi Khai quốc công thần triều Lê Ngô Kinh, Ngô Tử. Theo *Gia phả họ Ngô ở Động Bàng* (Thanh Hoá).

Được tin Lê Trang Tông khởi sự ở Ai Lao, kẻ sĩ hào kiệt khắp nơi theo về giúp rập ngày càng đông. Tháng 5 năm 1537, tướng nhà Mạc là Tây An hầu Lê Phi Thừa, quản lãnh 7 huyện đồng bằng và trung du phía tây xứ Thanh Hoa, nổi binh đánh phá Tam ty, cướp lấy của cải rồi đem quân sang Ai Lao quy thuận vua Lê. Nhân cơ hội thuận lợi ấy, năm 1539, Nguyễn Kim cử con rể là Trịnh Kiểm làm Đại tướng cùng với các tướng Trịnh Công Năng, Lại Thế Vinh... đem quân bản bộ chia đường tiến đánh các địa phương xứ Thanh Hoa, chiếm được huyện Lôi Dương.

Cuối năm 1540, Nguyễn Kim lại tiến quân vào Nghệ An, “phần nhiều các hào kiệt ở đây đều theo, xa gần đều hàng phục” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1998, t.2, tr.132). Từ Nghệ An, Nguyễn Kim kéo quân ra Thanh Hoá, nhiều lần đánh bại quân Mạc.

Tuy nhiên, trong gần 10 năm đầu (1533-1543), địa bàn Thanh - Nghệ vẫn do nhà Mạc quản lý¹¹. Do thế chưa vững, lực chưa mạnh, nên phần lớn các hoạt động quân sự của triều Lê chủ yếu diễn ra trên miền trung du và thượng du phía tây Thanh Hóa. Đây là địa bàn hoạt động, là căn cứ địa của nghĩa quân Lam Sơn chống quân xâm lược Minh từ những năm 1418-1424 trước khi tiến vào Nghệ An xây dựng “đất đứng chân”. Trong điều kiện thế lực chưa đủ mạnh để tiến xuống đồng bằng, quân triều Lê có thể trở lại Ai Lao xây dựng, củng cố lực lượng chờ thời.

Cuối năm 1543, vua Lê Trang Tông đưa quân về chiếm lại thành Tây Giai (tức Tây Đô), đánh tan cánh quân của Hoàng Vương Mạc Chính Trung (em Mạc Phúc Hải). Tổng trấn Thanh Hoa của nhà Mạc là Dương Cháp Nhất đầu hàng¹². Từ Ai Lao, Nguyễn Kim chinh đốn quân ngũ kéo về hội quân với vua Lê ở hành tại Nghĩa Lộ. Trong lúc thế lực của quân nhà Lê đang ngày một hưng khởi thì Trịnh Công Năng nổi quân làm phản, chiếm giữ đầu nguồn Quảng Bình (thuộc Thanh Hoá), dựng đặt doanh trại chống lại nhà Lê. Không bao lâu thì Trịnh Công Năng bị Trịnh Kiểm đem quân đến dẹp tan. Từ lúc này toàn bộ địa bàn Thanh - Nghệ thuộc quyền cai quản của nhà Lê. Đây là điều kiện thuận lợi cơ bản giúp cho công cuộc trung hưng của nhà Lê nhanh chóng hoàn thành, bởi lẽ: “Thanh Hoá là một nơi núi rừng hiểm trở, ruộng đất phì nhiêu, binh lương đầy đủ... là nơi trọng địa” (Lê Quý Đôn, 2013, tr.270) và Nghệ An là nơi ứng nghĩa, là kho người, kho của vô tận.

Tháng 5 năm 1545, Nguyễn Kim quyết định mở cuộc tấn công lớn ra Bắc. Lê Trang Tông sai Thái úy Đinh Công coi giữ ngự dinh còn tự mình đem các tướng tiến ra miền Sơn Nam, đóng dinh ở Yên Mô (Ninh Bình). Tại Yên Mô, Nguyễn Kim bị hàng tướng nhà Mạc là Dương Cháp Nhất đầu độc chết, quân Lê đành phải bỏ dở cuộc tấn công lui về giữ Thanh Hoá¹³.

¹¹ Trong thời gian này, khi nhà Mạc tổ chức khoa cử, vẫn có nhiều thí sinh ở Thanh Nghệ ra Thăng Long dự thi và trúng tuyển.

¹² Dương Cháp Nhất là hoạn quan, tước Trung Hậu hầu, người huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa.

¹³ Trong Gia phả họ Nguyễn (thôn Mậu Lâm, Ba Đình, Nga Sơn) và Gia phả họ Nguyễn ở Bút Sơn, Hoàng Hóa đều chép: Nguyễn Kim mất ngày 20 tháng 5 năm Bính Ngọ (1546), hưởng thọ 78 tuổi. Bản Gia phả họ Nguyễn Hữu (Gia Miêu, Hà Long, Hà Trung) cũng chép ngày mất của Nguyễn Kim là 20 tháng 5.

Thi hài ông được đưa về Bái Trang thuộc huyện Tống Sơn chôn cất trọng thể, ban tặng là Chiêu Huân Tĩnh công gia phong thêm các mỹ tự... Đồng thời, triều thần bàn bạc bình xét công lao của ông vì nhiều lần phò tá quốc gia trong thời kỳ sáng nghiệp đã có huân công to lớn, được phép phối hưởng ở cung miếu của bốn trấn, còn lập phủ ở Kinh đô phụng thờ tế tự, lại theo lệnh cấp Tả đội binh để trông giữ Phủ thờ. Mặt khác, cho phép các con cháu thế tập chăm nom nhằm thể hiện nêu cao công tích chinh phạt, vinh phong các công thần tham gia khởi nghĩa Trung hưng [triều Lê], sáng tỏ kéo dài, tên tuổi được ghi vào điển tịch, vận mệnh càng long trọng, nước nhà được tái tạo¹⁴.

Lợi dụng cơ hội Nguyễn Kim qua đời, triều Lê còn lúng túng trong việc điều quân khiêu tướng, tháng 9 năm 1545, Mạc Phúc Hải sai Thái tử Ninh Quốc công xuất quân ngũ phủ và quân các trấn thừa cơ vào đánh cướp doanh trại vua Lê. Khi quân Mạc kéo đến sông Phù Chẩn, vua Lê thân chinh, sai Đề thống ngự doanh là Dực quận công Trịnh Kiểm đốc suất quân tiên phong ra ứng chiến, phá tan quân Mạc (Lê Quý Đôn, 2013, tr.275). Dực quận công Trịnh Kiểm được vua Lê phong làm Đô tướng Lượng Quốc công thay Nguyễn Kim nắm giữ binh quyền, tiếp tục sự nghiệp trung hưng.

Từ sau khi Nguyễn Kim qua đời, trong thời gian gần nửa thế kỷ (1545-1592), cuộc chiến giữa Nam triều - Bắc triều diễn ra rất quyết liệt. Chiến trường chính là miền Thanh - Nghệ. Trong khoảng gần 10 năm (1545-1554), phạm vi hoạt động của Nam triều chỉ bó hẹp trên địa bàn Thanh - Nghệ (từ phía nam Tam Điệp đến bắc Hoành Sơn). Nhà Mạc khống chế địa bàn hai đầu Thanh - Nghệ (Thuận - Quảng ở phía nam; Tam Điệp trở ra phía bắc). Đây là mối quan ngại rất lớn cho sự tồn vong của Nam triều. Chính vì vậy, năm 1554, Trịnh Kiểm quyết định tấn công phía nam, chiếm Hóa Châu, bình định các huyện. Quan lại được nhà Mạc cử đến trấn trị ở đây đều theo hàng nhà Lê. Tiếp đó, Trịnh Kiểm cho quân tiến đánh tướng Mạc là Phạm Khắc Khoan, bình định hai xứ Thuận - Quảng, bước đầu giải quyết mối lo từ phía nam. Năm Mậu Ngọ (1558), Nguyễn Hoàng, con trai thứ hai của Nguyễn Kim được cử giữ chức Trấn thủ Thuận Hóa, sau kiêm Trấn thủ Quảng Nam (1570). Đây là cơ hội để Nguyễn Hoàng xây dựng lực lượng, chuẩn bị kế hoạch lâu dài trong chiến lược Nam tiến cũng như xây dựng chính quyền riêng, thoát ly khỏi ảnh hưởng của triều đình Lê - Trịnh khi ông từ Thăng Long trở lại Thuận Quảng năm 1600. Năm 1613, Nguyễn Hoàng qua đời, Thế tử thứ 6 là Nguyễn Phúc Nguyên (cháu nội của Nguyễn Kim) kế vị đã quyết định ly khai hẳn với chính quyền Lê - Trịnh, xây dựng xứ Đàng Trong thành một giang sơn riêng, đẩy mạnh công cuộc Nam tiến, quản lý một dải lãnh thổ kéo dài đến vịnh Hà Tiên, khai thác và quản lý vùng lãnh hải rộng lớn và các quần đảo quan trọng, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

¹⁴ Theo Gia phả họ Nguyễn Hữu (làng Gia Miêu, xã Hà Long, huyện Hà Trung).

4. Kết luận

Quá trình trung hưng nhà Lê diễn ra tròn 60 năm, từ năm 1533 và giành thắng lợi năm 1593. Trong sự nghiệp trung hưng ấy, Nguyễn Kim có vai trò đặc biệt quan trọng. Ông là “cựu thần” - dòng dõi công thần khai quốc - chủ động nêu cao ngọn cờ “phù Lê”, chiêu tập lực lượng và tôn phò hậu duệ nhà Lê lên ngôi, nêu rõ tính chính thống của vương triều ngay khi còn gian truân trên đất Sầm Châu. Có thể khẳng định, Nguyễn Kim là người xây dựng nền tảng, cơ sở vững chắc, tạo thế và lực cho triều đình Lê Trung hưng khi quản lý được địa bàn Thanh - Nghệ từ năm 1543 và bắt đầu tổ chức những cuộc tiến công ra Bắc. Nguyễn Kim qua đời năm 1545 khi sự nghiệp trung hưng còn dang dở. Người con rể là Trịnh Kiểm, sau đó là cháu ngoại Trịnh Tùng cùng đội ngũ văn thần, võ tướng tiếp tục hoàn thành sự nghiệp cao cả của ông vào năm 1593 khi vua Lê và triều thần từ kinh đô Vạn Lại - Yên Trường trở lại Thăng Long, bắt đầu một giai đoạn phát triển mới của lịch sử Việt Nam với cục diện mới, tạo nhiều dấu ấn mới.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Quý Đôn (2007), *Phủ biên tạp lục*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
2. Lê Quý Đôn (2013), *Đại Việt thông sử*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
3. Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, t.2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002) *Đại Nam thực lục*, t.1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.